

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2024
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Ông Hoàng Năng Long;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phạm Mỹ L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số B, Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đăng S, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 1, Trại giam T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Mỹ L trình bày:

Bà Phạm Mỹ L (nguyên đơn) và ông Nguyễn Đăng S (bị đơn) kết hôn với

nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/4/2014. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì đến năm 2015 bị đơn phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã bị xét xử với mức án 22 năm tù. Hiện nay bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại P, Trại giam T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/7/2014. Hiện tại cháu V đang ở với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2024 bị đơn ông Nguyễn Đăng S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống thì vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, sau đó bị đơn phải đi chấp hành án. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì bị đơn đồng ý.

Về con chung: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/7/2014 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Nguyễn Đăng S có địa chỉ cư trú tại Thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/4/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì bị đơn phải đi chấp hành án phạt tù tại P, Trại giam T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn và bị đơn đồng ý. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đã thuận tình ly hôn, việc thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/7/2014. Hiện tại cháu V đang ở với nguyên đơn và được nguyên đơn chăm sóc chu đáo. Theo nguyện vọng của cháu V là mong muốn ở với mẹ và để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Tường V cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Mỹ L và ông Nguyễn Đăng S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/7/2014 cho bà Phạm Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0006521 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Đăng S không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã Ea Ktur;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Ngọc Điệp